

THÔNG TƯ
LIÊN TỊCH CỦA BỘ THƯƠNG MẠI - BỘ TÀI CHÍNH -
BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI SỐ 08/2004/TTLT- BTM-BTC-BGTVT
NGÀY 17 THÁNG 12 NĂM 2004 HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN DỊCH VỤ TRUNG
CHUYỂN CONTAINER TẠI CÁC CẢNG BIỂN VIỆT NAM

Căn cứ Luật Thương mại ngày 10 tháng 5 năm 1997; Luật Hải quan ngày 29 tháng 6 năm 2001 và Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 30 tháng 6 năm 1990;

Căn cứ ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 1163/VPCP-CN ngày 15 tháng 3 năm 2004 của Văn phòng Chính phủ về dịch vụ trung chuyển container tại các cảng biển Việt Nam;

Liên Bộ: Thương mại - Tài chính - Giao thông Vận tải hướng dẫn thực hiện dịch vụ trung chuyển container tại các cảng biển Việt Nam như sau:

I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

1. Thông tư liên tịch này chỉ hướng dẫn thực hiện dịch vụ trung chuyển container tại các cảng biển Việt Nam và áp dụng đối với các doanh nghiệp cảng biển và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a. "Dịch vụ trung chuyển container" (transhipment) là việc xếp dỡ Container theo yêu cầu của người vận chuyển thông qua các hình thức sau:

- Dỡ container được vận chuyển trên phương tiện vận tải từ nước ngoài đến cảng biển Việt Nam và xếp lên phương tiện vận tải khác để vận chuyển ra khỏi lãnh thổ Việt Nam;

- Dỡ container được vận chuyển trên phương tiện vận tải từ nước ngoài đến cảng biển Việt Nam và đưa vào bảo quản tại khu vực trung chuyển của cảng biển trong một thời gian nhất định rồi xếp các container đó lên phương tiện vận tải để vận chuyển ra khỏi lãnh thổ Việt Nam.

b. "Khu vực trung chuyển container" là khu vực thuộc cảng biển được dành riêng cho việc thực hiện dịch vụ trung chuyển container cách biệt với các khu vực khác của cảng biển và chịu sự giám sát của cơ quan hải quan.

c. "Phương tiện vận tải" bao gồm tàu biển, tàu bay, ô tô vận tải, tàu hỏa, phương tiện thủy nội địa.

d. "Hàng hóa trung chuyển" bao gồm các loại hàng hóa được đóng trong container trung chuyển.

đ. "Người vận chuyển" là người dùng phương tiện vận tải thuộc sở hữu của mình hoặc thuê phương tiện vận tải thuộc sở hữu của người khác để thực hiện dịch vụ vận chuyển container hoặc những người đại diện hợp pháp của những đối tượng nêu trên.

3. Các doanh nghiệp cảng biển Việt Nam có đủ điều kiện theo hướng dẫn tại Mục 1 Phần II của Thông tư này đều được thực hiện dịch vụ trung chuyển container.

II. ĐIỀU KIỆN ĐỂ CÁC CẢNG BIỂN THỰC HIỆN DỊCH VỤ TRUNG CHUYỂN VÀ THÔNG BÁO VỀ VIỆC THỰC HIỆN DỊCH VỤ TRUNG CHUYỂN CONTAINER TẠI CẢNG BIỂN

1. Các doanh nghiệp cảng biển Việt Nam thực hiện dịch vụ trung chuyển container cần có đủ các điều kiện sau:

a. Cảng biển được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố cho phép tàu trong nước và nước ngoài vào, ra để xếp, dỡ container

b. Có đủ cơ sở hạ tầng kỹ thuật và thiết lập được khu vực trung chuyển container như đã nêu tại Khoản b Mục 2 Phần I của Thông tư này.

2. Chậm nhất là 15 ngày trước ngày đầu tiên thực hiện dịch vụ trung chuyển container, doanh nghiệp cảng biển phải gửi đến Bộ Thương mại, Bộ Tài chính (Tổng

cục Hải quan), Bộ Giao thông Vận tải và cơ quan Hải quan địa phương văn bản thông báo về việc bắt đầu thực hiện dịch vụ trung chuyển container tại cảng biển của mình.

III. HÀNG HOÁ TRUNG CHUYỂN, VIỆC XẾP DỠ, GIAO NHẬN, BẢO QUẢN; TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP CẢNG BIỂN VÀ CỦA NGƯỜI VẬN CHUYỂN ĐỐI VỚI HÀNG HOÁ TRUNG CHUYỂN

1. Hàng hoá trung chuyển tại cảng biển Việt Nam là hàng hóa không thuộc diện hàng hóa cấm trung chuyển nêu tại Mục 2 Phần này và được đóng trong container.
2. Hàng hoá cấm trung chuyển tại cảng biển của Việt Nam gồm:
 - a. Các loại vũ khí, đạn dược, vật liệu nổ, trang thiết bị kỹ thuật quân sự;
 - b. Các loại ma túy;
 - c. Chất thải nguyên tử và các loại hoá chất độc thuộc Danh mục hoá chất độc hại cấm xuất khẩu, nhập khẩu theo quy định của pháp luật Việt Nam.
3. Thông báo trung chuyển container
 - a. Người vận chuyển cần gửi văn bản thông báo (theo mẫu ở Phụ lục 1) đến doanh nghiệp cảng biển để yêu cầu được trung chuyển container tại cảng biển (sau đây gọi tắt là Thông báo trung chuyển).
 - b. Thông báo trung chuyển nêu tại Khoản a Mục 3 này nếu được doanh nghiệp cảng biển chấp thuận thì được coi như Hợp đồng dịch vụ trung chuyển container đã ký kết.
4. Việc xếp dỡ, giao nhận và bảo quản container trung chuyển tại cảng biển Việt Nam được thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam và thông lệ quốc tế.
5. Căn cứ thỏa thuận giữa người vận chuyển và doanh nghiệp cảng biển, hàng hóa đóng trong container trung chuyển sau khi đưa vào khu vực trung chuyển container có thể được sắp xếp, đóng gói lại, gia cố, sửa chữa hoặc thay thế container mới.